

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 02 /2021/KDTM-ST
Ngày 16-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH THẠNH, TP. CẦN THƠ**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Bùi Văn Sang;
 2. Bà Đoàn Sơn Lâm.

*** Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2019/TLST-KDTM, ngày 03-12-2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

- Công ty trách nhiệm hữu hạn U.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị T, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị N, chức vụ: Phó Giám đốc và anh Võ Hoàng P, chức vụ: Nhân viên pháp chế.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn V.

Địa chỉ: phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Y, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Kim P.

Địa chỉ: Đường T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn: Công ty cổ phần S.**

Địa chỉ: đường Phạm Thế H, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh: Ấp Q, xã T, huyện V, TP. Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Ngọc T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc chi nhánh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được cũng kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thì các nguyên đơn trình bày và yêu cầu giải quyết như sau:

- Bà Lê Thị N và anh Võ Hoàng Ph đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn U trình bày và yêu cầu giải quyết như sau:

Vào ngày 01/3/2014, Công ty cổ phần S - Chi nhánh tại thành phố C có ký hợp đồng Đại lý số 049/CT/HĐDL với Cty U. Nên chi nhánh Cty S tại thành phố C đã ký với Cty U Hợp đồng bao tiêu số 169/ĐX15-16/BT ngày 01-10-2015 và Hợp đồng bao tiêu số 169-B/ĐX15-16/BT ngày 02-01-2016. Trên cơ sở đó, Cty U bán thuốc bảo vệ thực vật cho chi nhánh Cty S tại thành phố C bằng hình thức thanh toán tiền mặt và sau 03 ngày, kể từ ngày nhận hàng, Cty S - chi nhánh tại thành phố C phải thanh toán tiền mua hàng cho Cty U. Nếu không thanh toán, Cty U sẽ tính tiền lãi do thanh toán chậm, theo lãi suất thỏa thuận được quy định tại khoản 2 của hợp đồng đại lý là 1,5%/tháng.

Ngày 03-4-2016, sau khi đối chiếu công nợ, ông Dương Ngọc T là Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc chi nhánh Cty S tại thành phố C đã ký trong Biên bản đối chiếu xác nhận còn nợ Cty U 897.438.145đ. Đây là tiền nợ mua hàng hóa phát sinh từ ngày 14-5-2015 đến ngày 10-12-2015, đồng thời còn cam kết trả nợ cho Cty U vào ngày 15-7-2016 nhưng không thực hiện.

Ngoài ra, Cty S Chi nhánh tại thành phố C còn đặt Cty U làm bao bì, nhãn hàng hóa theo hợp đồng bao tiêu số 169/ĐX 15-16/BT. Nên tại Điều 02 đã quy định trách nhiệm của bên B: *Trường hợp bên B (Chi nhánh Cty S tại thành phố C) không thực hiện hết lượng hàng đã ký và còn tồn bao bì tại kho bên A, thì bên B có trách nhiệm thanh toán lượng nhãn, bao bì còn tồn đọng tại kho bên A.* Tính đến ngày 05-12-2016, số lượng bao bì và nhãn do Cty S - Chi nhánh tại thành phố C đặt còn tồn kho tại Cty U với tổng số tiền là 169.402.900đ.

Sau nhiều lần thương thảo, yêu cầu thực hiện nghiêm túc các hợp đồng trên và trả nợ nhưng Cty S không thực hiện. Việc Cty S không trả nợ đã ảnh hưởng đến vốn để tái sản xuất của Cty U. Nên để thu hồi nợ, Cty U khởi kiện Cty S, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh là nơi ký kết, thực hiện hợp đồng và phát sinh tranh chấp tại thành phố C giải quyết: Buộc Cty S chịu trách nhiệm trả cho Cty U 1.176.328.000đ (*làm tròn số*), trong đó có 897.438.145đ nợ gốc mua thuốc bảo vệ thực vật, 169.402.900đ tiền bao bì, nhãn tồn và 109.487.454đ tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán, tạm tính đến ngày 30-11-2016 với lãi suất là 1,5%/tháng, cùng tiền lãi phát sinh từ ngày 01-12-2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ông Châu Kim P đại diện cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V trình bày và yêu cầu giải quyết như sau:

Cty V có bán hàng hóa cho Cty S - chi nhánh tại thành phố C nhiều lần. Sau đó Cty S - chi nhánh tại thành phố C đã xác nhận nợ trong Thư xác nhận phải thu khách hàng ngày 06-01-2017, thừa nhận Cty S còn nợ Cty V 186.460.000đ. Nhưng từ khi ký xác nhận nợ đến nay, Cty S không thanh toán nợ cho Cty V, mặc dù đã nhiều lần liên hệ và nhắc nhở.

Để thu hồi nợ, Cty V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh là nơi ký kết, thực hiện hợp đồng và phát sinh tranh chấp tại chi nhánh Cần Thơ giải quyết: Buộc Cty S chịu trách nhiệm trả cho Cty V 195.783.000đ [*trong đó có 186.460.000đ nợ gốc và 9.323.000đ {186.460.000đ x 1%/tháng x 5 tháng (tính từ ngày 06-01-2017 đến ngày 06-6-2017)} tiền lãi*] và tiền lãi phát sinh do chậm

thanh toán số tiền nợ gốc nói trên cho Cty V, tính từ ngày tiếp theo ngày tuyên án cho đến khi thanh toán xong, theo lãi suất quy định của pháp luật tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

* Đối với bị đơn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và còn nhiều lần triệu tập tham gia tố tụng, nhưng người đại diện hợp pháp của Cty S đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của các nguyên đơn. Nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định chung.

Tại phiên tòa:

- Cty U yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Cty S chịu trách nhiệm trả cho Cty U 897.438.145đ nợ mua thuốc bảo vệ thực vật, 762.254.046đ tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 16-12-2021 và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán số tiền nợ gốc nói trên cho Cty U, tính từ ngày tiếp theo ngày tuyên án cho đến khi thanh toán xong, theo lãi suất quy định của pháp luật tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Còn đối với số nợ 169.402.900đ tiền bao bì, nhãn tồn kho thì Cty U xin rút lại yêu cầu này nên yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu này; nếu cần thì Cty U sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- Cty V vẫn giữ nguyên yêu cầu: Buộc Cty S chịu trách nhiệm trả cho Cty V 186.460.000đ nợ gốc, 9.323.000đ tiền lãi {1%/tháng x 5 tháng (tính từ ngày 06-01-2017 đến ngày 06-6-2017)} và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán số tiền nợ gốc nói trên cho Cty V, tính từ ngày tiếp theo ngày tuyên án cho đến khi thanh toán xong, theo lãi suất quy định của pháp luật tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng với quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc Cty S chịu trách nhiệm trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho Cty U và V theo yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Đây là vụ án kinh doanh, thương mại tranh chấp *Hợp đồng mua bán hàng hóa*. Vì các nguyên đơn và bị đơn là những doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh theo qui định của pháp luật, bên nguyên đơn bán hàng cho bên bị đơn để bán lại cho khách hàng và các bên đều hướng tới mục đích lợi nhuận. Bên bị đơn đã nhận hàng nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được thì các giao dịch được ký kết, thực hiện và tranh chấp phát sinh tại chi nhánh Cty S tại thành phố C. Do đó, tranh chấp này thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b và g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 317 Luật Thương mại.

[2] Về yêu cầu khởi kiện

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc của Cty U. Xét thấy, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn đã cung cấp được các tài liệu, chứng cứ ghi nhận vào ngày 01-3-2014, chi nhánh Cty S tại thành phố C có ký hợp đồng Đại lý số 049/CT/-HĐDL với Cty U. Đồng thời chi nhánh Cty S tại thành phố C còn ký với Cty U các Hợp đồng bao tiêu số 169/ĐX15-16/BT ngày 01-10-2015 và số 169-B/ĐX15-16/BT ngày 02-01-2016. Nên Cty U đã bán thuốc bảo vệ thực vật cho chi nhánh Cty S tại thành phố C từ ngày 14-5-2015 đến ngày 10-12-2015. Chính vì vậy, vào ngày 03-4-2016, sau khi đối chiếu công nợ, ông Dương Ngọc T - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc chi nhánh Cty S tại thành phố C đã ký xác nhận trong Biên bản đối chiếu, thừa nhận còn nợ Cty U tiền mua thuốc bảo vệ thực vật từ ngày 15-4-2015 đến ngày 17-11-2015 là 897.438.145đ. Nhưng từ khi thụ lý vụ án đến nay, phía Cty S không có ý kiến phản hồi đề phản bác lại yêu cầu của Cty U cũng như giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán xong nợ cho nguyên đơn. Nên từ những căn cứ và phân tích trên, thấy rằng Cty U đã chứng minh được có bán thuốc bảo vệ thực vật cho Cty S và hiện nay còn nợ Cty U 897.438.145đ. Do đó, cần phải xem xét buộc Cty S chịu trách nhiệm thanh toán cho Cty U số tiền trên là phù hợp với Điều 50 của Luật Thương mại.

[2.2] Về yêu cầu trả tiền lãi. Xét thấy, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được phân tích ở đoạn [2.1], thì hiện nay Cty S còn nợ Cty U 897.438.145đ tiền mua bán vật tư nông nghiệp từ năm 2015 đến nay. Mà cụ thể là căn cứ vào Biên bản đối chiếu, thì tính đến ngày 03-4-2016 Cty S thừa nhận còn nợ Cty U 897.438.145đ. Nhưng đến nay Cty S không trả nợ cho Cty U như đã cam kết. Nên Cty U yêu cầu Cty S phải trả 762.254.046đ tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 16-12-2021, theo lãi suất nợ quá hạn 16,6%/năm ($1,38333\%/tháng$) là có căn cứ. Vì tại Điều 306 Luật Thương mại đã quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Từ quy định tại điều luật này, Tòa án đã thu thập được mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử là 16,6%/năm $\{(lãi\ quá\ hạn\ của\ Ngân\ hàng\ Đầu\ tư\ và\ phát\ triển\ Việt\ Nam\ là\ 16,50\%/năm + lãi\ quá\ hạn\ của\ Ngân\ hàng\ Nông\ nghiệp\ và\ phát\ triển\ nông\ thôn\ Việt\ Nam\ là\ 16,55\%/năm + lãi\ quá\ hạn\ của\ Ngân\ hàng\ Kiên\ Long\ là\ 16,80\%/năm = 49,85\%/năm) : 3\}$. Nếu lấy mức lãi suất 16,6%/năm, thì số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 16-12-2021 là hơn 61,4 tháng, nhưng Cty U chỉ yêu cầu trả lãi 61,4 tháng là 762.254.046đ đã có lợi cho Cty S. Nghĩ nên buộc Cty S chịu trách nhiệm trả cho Cty U 762.254.046đ tiền lãi.

[2.3] Đối với yêu cầu khởi kiện yêu cầu Cty S trả 169.402.900đ tiền bao bì, nhân tồn kho. Trong đơn khởi kiện, Cty U còn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Cty S chịu trách nhiệm trả cho Cty U số tiền trên cùng tiền lãi phát sinh. Nhưng tại phiên tòa, Cty U xin rút lại toàn bộ yêu cầu trên, không yêu cầu giải quyết nữa. Xét thấy, việc Cty U rút lại yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nếu sau này phát sinh tranh chấp mà các đương sự

không thỏa thuận giải quyết được thì có thể khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Yêu cầu của Cty V. Xét thấy, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn đã cung cấp được các tài liệu, chứng cứ là các hóa đơn giá trị gia tăng thì Cty V có bán hàng hóa cho chi nhánh tại Cty S tại thành phố C nhiều lần. Sau đó ông Dương Ngọc T - Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc chi nhánh Cty S tại thành phố C đã ký xác nhận nợ trong Thư xác nhận phải thu khách hàng ngày 06-01-2017, thừa nhận chi nhánh Cty S tại thành phố C còn nợ Cty V 186.460.000đ. Nhưng từ khi thụ lý vụ án đến nay, phía Cty S không có ý kiến phản hồi để phản bác lại yêu cầu của Cty V cũng như giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán xong nợ cho nguyên đơn. Nên từ những căn cứ và phân tích trên, thấy rằng Cty V đã chứng minh được có bán hàng hóa cho chi nhánh Cty S tại thành phố C và hiện nay còn nợ Cty V 186.460.000đ. Do đó, cần phải xem xét buộc Cty S phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Cty V số tiền trên là phù hợp với Điều 50 của Luật Thương mại.

[2.5] Về yêu cầu trả tiền lãi. Xét thấy, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được phân tích ở đoạn [2.4], thì hiện nay Cty S còn nợ Cty V 186.460.000đ tiền mua bán hàng hóa từ năm 2015 đến nay. Mà cụ thể là căn cứ vào Thư xác nhận phải thu khách hàng, thì tính đến ngày 06-01-2017 Cty S thừa nhận còn nợ Cty V 186.460.000đ. Nhưng đến nay Cty S không trả nợ cho Cty V như đã cam kết. Nên Cty V yêu cầu Cty S phải trả $9.323.000đ \{1\%/tháng \times 5 \text{ tháng (tính từ ngày 06-01-2017 đến ngày 06-6-2017)}\}$ tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là có căn cứ. Vì tại Điều 306 Luật Thương mại đã qui định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có qui định khác”*. Từ quy định tại điều luật này, Tòa án đã thu thập được mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử là 16,6%/năm (1,38333%/tháng). Nhưng Cty V chỉ yêu cầu Cty S phải trả 05 tháng tiền lãi, tính từ ngày 06-01-2017 đến ngày 06-6-2017 thành tiền $9.323.000đ \{1\%/tháng \times 5 \text{ tháng} \times 186.460.000đ\}$ là có căn cứ và có lợi cho Cty S. Do đó, cần phải buộc Cty S chịu trách nhiệm trả cho Cty V số tiền lãi nói trên.

[3] Về chi phí tố tụng khác. Cty U đã nộp tạm ứng để chi trả cho cơ quan thực hiện việc giám định tài liệu hết 4.000.000đ. Xét thấy, lỗi làm phát sinh vụ kiện là do bị đơn nên Cty S phải chịu trách nhiệm hoàn trả cho Cty U số tiền trên.

[4] Về án phí. Cty S chịu trách nhiệm trả cho Cty U 1.659.692.191đ và Cty V 195.783.000đ nên phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định chung.

[5] Về tạm ứng án phí. Do không phải chịu án phí nên xem xét hoàn trả lại tạm ứng án phí cho các nguyên đơn theo quy định chung.

[6] Xét phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, cũng như ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 35, 40, 91, 92, 144, 147, 161, 162 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 24, 50, 306 và 317 của Luật Thương mại;

Tuyên xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc Công ty cổ phần S chịu trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn U 1.659.692.191đ (một tỷ sáu trăm năm mươi chín triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn một trăm chín mươi một đồng) (trong đó có 897.438.145đ nợ gốc và 762.254.046đ tiền lãi phát sinh đến ngày 16-12-2021).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần S còn phải chịu trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn U khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn U về việc yêu cầu Công ty cổ phần S chịu trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn U 169.402.900đ tiền bao bì, nhãn tồn kho. Do Công ty trách nhiệm hữu hạn U rút lại yêu cầu này.

- Buộc Công ty cổ phần S chịu trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V 195.783.000đ (một trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi ba ngàn đồng) (trong đó có 186.460.000đ nợ gốc và 9.323.000đ tiền lãi).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần S còn phải chịu trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

* *Về tạm ứng và trách nhiệm chịu chi phí tố tụng khác:* Công ty cổ phần S phải chịu 4.000.000đ (bốn triệu đồng) và chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn U số tiền này.

* *Về tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm:*

- Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn U 23.644.000đ (*hai mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 009203 ngày 29-12-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ.

- Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V 4.894.000đ (*bốn triệu tám trăm chín mươi bốn ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 009485 ngày 23-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ.

- Công ty cổ phần S phải chịu 71.579.000đ (bảy mươi một triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn đồng) (*trong đó có 61.790.000đ án phí sơ thẩm đối với trách nhiệm trả nợ cho Cty U và 9.789.000đ án phí sơ thẩm đối với trách nhiệm trả nợ cho Cty V*) án phí sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt, có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông báo, niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Vĩnh Thạnh;
- CCTHADS Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Xuân Diệu